

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 6 năm 2020

V/v tranh chấp ly hôn -
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Mỹ Hương
2. Ông Huỳnh Văn Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn - chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 118/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Trung H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: đường T, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Dư Đại N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: khóm T, phường T, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Trung H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Dư Đại N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L vào ngày 18 tháng 7 năm 2017. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, nên ông bà sống ly thân từ đó đến nay.

Thời gian sống ly thân ông nhiều lần tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng vẫn không có kết quả. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông H yêu cầu ly hôn bà N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Trước đây trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, ông H trình bày vợ chồng có tài sản chung gồm: Dây chuyền vàng Ý mặt hột xoàn 4 ly trị giá 35.500.000đ; Bông tai vàng Ý hột xoàn 3,6 ly trị giá 25.000.000đ; Vòng tay vàng 18K trị giá 12.900.000đ; Nhẫn vàng PNJ trị giá 5.000.000đ; Dây chuyền và mặt dây chuyền vàng 18K trị giá 10.000.000đ. Tổng giá trị tài sản là 88.400.000 đồng, số tài sản này hiện do bà N giữ. Ông yêu cầu chia đôi tài sản trên theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, ngày 12/5/2020 ông Phạm Trung H có văn bản xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện, không tranh chấp chia tài sản khi ly hôn. Sau này có tranh chấp, sẽ khởi kiện vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Dư Đại N mặc dù đã được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà N vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông Phạm Trung H. Tại phiên tòa, bà N tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 BLTTDS. Văn bản tố tụng tổng đạt đúng quy định tại Điều 175, 177 và 179 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Trung H đối với bà Nguyễn Dư Đại N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Trung H khởi kiện tranh chấp ly hôn với bà Nguyễn Dư Đại N, bà N cư trú tại địa chỉ khóm T, phường T, thành phố L, nên Tòa án nhân dân

thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do, ông H không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Dur Đại N.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm Trung H và bà Nguyễn Dur Đại N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L vào năm 2017, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân ly hôn theo ông H trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, nên ông bà sống ly thân từ đó đến nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông H yêu cầu ly hôn bà N.

[3] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Công an phường T ngày 19/3/2020 thể hiện: Đương sự Nguyễn Dur Đại N, sinh năm 1994 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm T, phường T, thành phố L, tỉnh An Giang.

[4] Qua lời trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Dur Đại N vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông H về tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn, không cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi làm việc theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, bà N tiếp tục vắng mặt không có lý do là không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử động viên ông H tạo cơ hội vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông H vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Trung H được ly hôn bà Nguyễn Dur Đại N như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về con chung: Ông H trình bày ông và bà N không có con chung.

[6] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông H xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện, không tranh chấp chia tài sản khi ly hôn mà theo ông trình bày số tài sản bà N đang giữ, gồm: Dây chuyền vàng Ý mặt hột xoàn 4 ly trị giá 35.500.000đ; Bông tai vàng Ý hột xoàn 3,6 ly trị giá 25.000.000đ; Vòng tay vàng 18K trị giá 12.900.000đ; Nhẫn vàng PNJ trị giá 5.000.000đ; Dây chuyền và mặt dây chuyền vàng 18K trị giá 10.000.000đ.

Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản khi ly hôn, xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp pháp luật được quy định tại khoản 1, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần đương sự đã rút. Sau này có tranh chấp tài sản, sẽ khởi kiện vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[7] Về nợ chung: Ông H trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Bà N không có văn bản trình bày ý kiến về nợ chung, nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Ông Phạm Trung H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp. Ông Phạm Trung H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đối với tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, 2 Điều 244; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Trung H được ly hôn bà Nguyễn Dư Đại N.

2. Về con chung: Ông H trình bày ông và bà N không có con chung.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung H về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.

3. Về án phí: Ông Phạm Trung H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009989, ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. L.

Ông Phạm Trung H được nhận lại 2.210.000đ (Hai triệu hai trăm mười nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009988, ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- UBND p. B, TPL
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa